

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ – ST
Ngày 16 - 6- 2020
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Chính
Ông Đoàn Văn Đoàn.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên
Lạc.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01
năm 2020 về ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
07/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn C, xã
Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn C, xã Y,
huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2020 và những lời khai trong
quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Duy D trình
bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn ngày 19/02/1992 và đăng
ký lại 17/10/2016, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và sống với nhau
như vợ chồng từ năm 1991, quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc
những năm sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn lớn nhất là đầu năm 2018
đến tháng 6 năm 2018 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu

thuần phần lớn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà T đã về nhà của vợ chồng tại thôn Y ở từ đó đến nay còn ông đi làm ăn xa, kể từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh ngày 17/9/1992, hiện nay đã lấy chồng và Nguyễn Duy H sinh ngày 22/01/2001. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết, ông và bà T ly hôn cháu H ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của ông D về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Nay ông D làm đơn xin ly hôn, bà cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, kể từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai nhưng bà xin được đoàn tụ vì thương các con.

Về nuôi con chung: Bà xác nhận lời trình bày của ông D là vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Duy H sinh ngày 22/01/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu O đã lấy chồng nếu phải ly hôn bà không có ý kiến gì.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn bà Nguyễn Thị T, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn bà Nguyễn Thị T đang cư trú tại thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận vợ chồng ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, thể hiện ông D và bà T có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 17 tháng 10 năm 2016, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn lớn nhất từ năm

2018. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà ông D đều khẳng định tình cảm vợ chồng với bà T không còn, việc đoàn tụ là không thể, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Bà T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai nhưng bà xin được đoàn tụ vì bà thương các con. Bà T xin được đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T, bà T đều vắng mặt kể cả tại phiên tòa, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải để vợ chồng bà đoàn tụ được. Xét thấy quan điểm xin đoàn tụ của bà T là không thực tâm, mặt khác bản thân bà T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và đã sống ly thân từ năm 1018 đến nay; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông D và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Ông D và bà T đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Duy H sinh ngày 22/01/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, ông D bà T không đề nghị gì nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản: Ông D, bà T không đề nghị gì do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy D được ly hôn bà Nguyễn Thị T

Về án phí: Ông Nguyễn Duy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0005575 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Lạc; ông D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Lan